

## CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

*(Ban hành theo Quyết định số 33c/QĐ/ĐHVL ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Hiệu trưởng trường Đại học Văn Lang)*

Chương trình đào tạo kỹ sư Công nghệ Sinh học

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Công nghệ Sinh học

Loại hình đào tạo: chính qui tập trung

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### 1.1. Kiến thức

Có hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin; đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; tư tưởng Hồ Chí Minh; có các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội nhân văn, pháp luật và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực công nghệ sinh học; hiểu biết và nắm vững các kiến thức cơ sở và chuyên ngành công nghệ sinh học để ứng dụng vào thực tiễn.

#### 1.2. Kỹ năng

Biết lập kế hoạch và quản lý kỹ thuật cho cơ sở sản xuất các sản phẩm công nghệ sinh học thuộc các lĩnh vực công nghệ vi sinh và công nghệ thực phẩm; có các kỹ năng cơ bản làm việc trong phòng thí nghiệm công nghệ sinh học, kiểm nghiệm và đánh giá được chất lượng sản phẩm; có các kỹ năng giao tiếp tốt, làm việc theo nhóm và ứng dụng tin học trong công nghệ sinh học.

#### 1.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có năng lực quản lý, sản xuất ở quy mô trang trại, công ty sản xuất, kinh doanh các sản phẩm công nghệ sinh học; có năng lực tiếp cận, nghiên cứu thị trường và thương mại hóa các sản phẩm công nghệ sinh học ra thị trường; có ý thức trách nhiệm công dân, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, thái độ phục vụ tốt, tinh thần cầu tiến, đoàn kết và giúp đỡ đồng nghiệp.

#### 1.4. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Giảng viên, chuyên viên quản lý tại các trường trung cấp, cao đẳng và đại học; Chuyên viên, kỹ thuật viên tại viện nghiên cứu về công nghệ sinh học; Chuyên viên, kỹ thuật viên tại cơ quan quản lý khoa học hoặc chuyên ngành thuộc các sở khoa học và công nghệ địa phương; Chuyên viên phân tích tại phòng thí nghiệm sinh hóa, vi sinh thuộc các bệnh viện, trung tâm y tế dự phòng và các công ty dược; Chuyên viên phân tích thí nghiệm, chuyên viên quản lý tại các trung tâm kiểm nghiệm, phòng thí nghiệm kiểm tra chất lượng sản phẩm; Chuyên viên điều hành, kế hoạch, quản lý kỹ thuật, quản lý chất lượng tại các cơ sở sản xuất, công ty kinh doanh thuộc các lĩnh vực nông nghiệp, chế biến thực phẩm, thủy sản, môi trường và y dược; Giám đốc các công ty tư nhân, trang trại thuộc các lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản, chế biến thực phẩm; Thanh tra viên thuộc ngành cảnh sát môi trường.

### 2. Thời gian đào tạo: 4 năm

### 3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 136 TC

**4. Đối tượng tuyển sinh:**

- Học sinh tốt nghiệp Phổ thông Trung học.
- Những người đã có bằng tốt nghiệp đại học (đối với văn bằng 2), hoặc hệ tại chức (nếu có).

**5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:** Theo qui chế hiện hành của Bộ Giáo dục và đào tạo.

**6. Thang điểm:** Theo thang điểm 10

**7. Nội dung chương trình:**

**Kiến thức giáo dục đại cương: 46 TC**

Lý luận Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh: 10 TC

STT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	GHI CHÚ
1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin	5	
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
3	Đường lối của Đảng Công sản Việt Nam	3	

Khoa học Xã hội: 02 TC

STT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	GHI CHÚ
1	Pháp luật đại cương	2	

Nhân văn – Nghệ thuật: *không*

Ngoại ngữ: 15 TC

STT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	GHI CHÚ
1	Anh văn HK 1	3	
2	Anh văn HK 2	3	
3	Anh văn HK 3	3	
4	Anh văn HK 4	4	
5	Anh văn HK 7 (Anh Văn TOEIC)	2	

STT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	GHI CHÚ
1	Đại số tuyến tính	2	
2	Giải tích	3	
3	Xác suất - Thống kê	3	
4	Vật lý đại cương 1	2	
5	Vật lý đại cương 2	3	
6	Thực tập vật lý đại cương	1	
7	Hóa học đại cương	3	(LT: 2TC + TH: 1TC)
8	Hóa học hữu cơ	3	(LT: 2TC + TH: 1TC)

**Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 90 TC**

Kiến thức cơ sở (của khối ngành, nhóm ngành, và ngành): 09 TC

STT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	GHI CHÚ
1	Hóa học phân tích	2	
2	Thực tập Hóa học Phân tích	1	
3	Khoa học trái đất	1	
4	Tế bào học	2	(LT: 1TC + TH: 1TC)
5	Sinh học phân tử	2	
6	Tiến hóa và đa dạng sinh học	2	

Kiến thức ngành chính (ngành thứ nhất): 71 TC

Kiến thức chung của ngành chính (bắt buộc phải có): 71 TC

STT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	GHI CHÚ
1	Nhập môn Công nghệ Sinh học	1	
2	Hóa sinh học	4	(LT: 3TC + TH: 1TC)
3	Vi sinh vật học	3	(LT: 2TC + TH: 1TC)
4	Kỹ thuật vi sinh	1	
5	Thực hành kỹ thuật vi sinh	1	
6	Di truyền học	3	(LT: 2TC + TH: 1TC)
7	Sinh học chức năng thực vật	2	(LT: 2TC + TH: 1TC)
8	Sinh học chức năng động vật	2	(LT: 2TC + TH: 1TC)
9	Kỹ thuật di truyền	2	(LT: 2TC + TH: 1TC)
10	Quá trình và thiết bị công nghệ	3	(LT: 2TC + TH: 1TC)
11	Nguyên liệu công nghệ sinh học thực phẩm	1	
12	Công nghệ vi sinh ứng dụng	3	

13	Thực hành công nghệ vi sinh ứng dụng	1	
14	Enzym học	2	
15	Công nghệ sinh học động vật	2	
16	Thực hành công nghệ sinh học động vật	1	
17	Công nghệ sinh học thực vật	2	
18	Thực hành công nghệ sinh học thực vật	1	
19	Kỹ thuật nhân giống cây trồng	1	
20	Vẽ kỹ thuật	1	
21	Kỹ thuật trồng nấm	1	
22	Thực hành kỹ thuật trồng nấm	1	
23	Chăn nuôi thú y đại cương	2	
24	Trồng trọt đại cương	2	
25	Công nghệ sau thu hoạch	4	
26	Thực hành công nghệ sau thu hoạch	1	
27	Kiểm tra chất lượng sản phẩm	1	
28	Thực hành kiểm tra chất lượng sản phẩm	1	
29	Các phương pháp hóa sinh hiện đại	1	
30	Phương pháp sinh học xử lý môi trường	1	
31	Độc chất học	1	
32	Kỹ thuật lạnh	2	
33	Quản trị học	2	
34	Quản lý chất lượng	2	
35	Thương mại hóa sản phẩm (phát triển sản phẩm)	2	
36	Ứng dụng tin học trong CNSH 1	2	
37	Ứng dụng tin học trong CNSH 2	2	
38	Anh văn Chuyên ngành 1 (HK 5)	3	
39	Anh văn Chuyên ngành 2 (HK 6)	2	
40	Thực tập chuyên ngành cuối khóa	1	

Kiến thức chuyên sâu của ngành chính (không bắt buộc phải có, được chọn tự do hoặc chọn theo từng chuyên ngành): **không**

Kiến thức ngành thứ hai (không bắt buộc phải có; được chọn dưới dạng ngành phụ hoặc ngành chính thứ hai): **không**

Kiến thức bổ trợ tự do (không bắt buộc phải có): **2 TC**

STT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC
1	Công nghệ sinh học dinh dưỡng	1
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	1

Thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận tốt nghiệp (*hoặc thi tốt nghiệp*): 10 TC

- Đối với những sinh viên làm luận văn tốt nghiệp:
  - Bắt đầu triển khai thực tập tốt nghiệp tại các nhà máy, viện nghiên cứu: 2 TC.
  - Thực hiện đề tài, viết luận văn và bảo vệ luận văn tốt nghiệp hoặc thi tốt nghiệp: 8 TC.
- Đối với những sinh viên không làm luận văn tốt nghiệp: sẽ ôn tập và thi theo 2 chuyên ngành nhỏ: Công nghệ vi sinh và Công nghệ sinh học thực phẩm.
  - Các môn thi tốt nghiệp:

STT	CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ VI SINH	CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ SINH HỌC THỰC PHẨM	SỐ TC
1	Môn cơ sở (Hóa sinh, Di truyền, Sinh học phân tử)	Môn cơ sở (Hóa sinh, Di truyền, Sinh học phân tử)	6
2	Môn chuyên ngành (Vi sinh vật học, Kỹ thuật vi sinh, Công nghệ vi sinh ứng dụng)	Môn chuyên ngành (Công nghệ sau thu hoạch, Xử lý các phụ phẩm thực phẩm)	6
3	Ôn thi – 18 giờ	Ôn thi – 18 giờ	

TỔNG SỐ TÍN CHỈ CTĐT: 136 TC (KTGD Đại cương: 46 TC; KTGD Chuyên ngành: 90 TC)

## CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

*(Ban hành theo Quyết định số 193b/QĐ/ĐHVL ngày 30 tháng 5 năm 2016 của Hiệu trưởng trường Đại học Văn Lang)*

Tên chương trình: Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành

Mã số: 52340103

Loại hình đào tạo: Chính quy tập trung

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### 1.1 Mục tiêu chung:

Đào tạo cử nhân ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành có phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp, có kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm đạt chuẩn đầu ra của chương trình.

#### 1.2 Mục tiêu cụ thể:

- **Về kiến thức:** Chương trình trang bị những kiến thức giáo dục đại cương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, kiến thức về lý luận chính trị, kinh tế xã hội và kiến thức của ngành (văn hóa, địa lý, xã hội học, các loại hình du lịch, những khái niệm về kinh tế vi mô và vĩ mô, marketing, thiết kế các sản phẩm du lịch, quản trị tài chính và các dự án, thiết kế và điều hành tour, tuyến điểm ...)

- **Về kỹ năng:** Sinh viên tốt nghiệp có những kỹ năng về sử dụng ngoại ngữ, kỹ năng làm việc bằng máy vi tính, kỹ năng giao tiếp và các kỹ năng nghề nghiệp như kỹ năng như thiết kế sản phẩm lữ hành, kỹ năng hướng dẫn du lịch, kỹ năng tổ chức sự kiện...

#### - Về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm:

Sinh viên tốt nghiệp có phong cách làm việc chuyên nghiệp, phù hợp với môi trường kinh doanh dịch vụ trong và ngoài nước, có đạo đức nghề nghiệp, tuân thủ pháp luật, không ngừng cố gắng để trở thành đại diện cho địa phương, cho đất nước trong mắt du khách trong và ngoài nước.

- **Về khả năng công tác:** Sinh viên tốt nghiệp và đạt chuẩn đầu ra của chương trình có thể làm việc phù hợp và tốt ở các bộ phận của các doanh nghiệp du lịch lữ hành như: thiết kế và điều hành tour, hoạch định chiến lược, chính sách và kế hoạch kinh

doanh, quản trị dự án kinh doanh, quản trị nhân lực, quản trị khách hàng và marketing, quản trị chất lượng dịch vụ du lịch và làm hướng dẫn viên du lịch; ở các tổ chức khác như tổ chức phi lợi nhuận, các viện nghiên cứu, các trường cao đẳng, đại học, các cơ quan quản lý nhà nước các cấp về du lịch.

Trên nền tảng các kiến thức và kỹ năng đã được trang bị, sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các kiến thức và kỹ năng nhằm đáp ứng yêu cầu của vị trí công tác và quy hoạch phát triển nhân sự ở đơn vị công tác cụ thể. Sinh viên tốt nghiệp cũng có thể tiếp tục học tập ở bậc cao hơn (Thạc sĩ, Tiến sĩ) của ngành Quản trị du lịch, Quản trị kinh doanh và Thương mại, Kinh tế, Quy hoạch du lịch.

- Trình độ Ngoại ngữ: đạt trình độ tương đương TOEIC 550

- Trình độ Tin học: (theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014)

## **2. Thời gian đào tạo: 4 năm**

### **3. Khối lượng kiến thức toàn khóa:**

Tổng cộng **129 tín chỉ** (viết tắt là TC), kể cả thực tập và khoá luận tốt nghiệp. Khối lượng kiến thức này không bao gồm phần kiến thức về Giáo dục Thể chất (90 tiết) và Giáo dục Quốc phòng (165 tiết)

### **4. Đối tượng tuyển sinh:**

Theo nguyện vọng của những ứng viên đã qua kỳ thi tuyển sinh đại học do các trường đại học trong nước tổ chức, thuộc 4 tổ hợp A, A1, D1 (Anh Văn) hoặc D3 (Pháp văn).

### **5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

- Quy trình đào tạo: theo tín chỉ

- Quy trình kiểm tra: đánh giá quá trình và thi kết thúc môn.

- Điều kiện tốt nghiệp: Tích lũy đủ số tín chỉ của chương trình, không có học phần có điểm dưới 5 và không bị truy cứu trách nhiệm hình sự

### **6. Thang điểm: 10/10**

### **7. Nội dung chương trình (tên và khối lượng các học phần):**

#### **7.1 Kiến thức giáo dục đại cương: 58 tín chỉ**

##### **7.1.1 Lý luận chính trị: 10 tín chỉ**

<b>STT</b>	<b>HỌC PHẦN</b>	<b>SỐ TC</b>
1	NHỮNG NLCB CỦA CN MÁC LÊNIN	5
2	TƯ TƯỞNG HCM	2
3	ĐƯỜNG LỐI CM CỦA ĐCS VIỆT NAM	3
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10</b>

##### **7.1.2 Khoa học xã hội: 7 tín chỉ**

STT	HỌC PHẦN	SỐ TC
4	PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG & LUẬT DU LỊCH	3
5	VĂN HÓA VIỆT NAM	2
6	PHƯƠNG PHÁP LUẬN & NGHIÊN CỨU KHOA HỌC	2
	TỔNG CỘNG	7

7.1.3 Nhân văn-Nghệ thuật: không

7.1.4 Ngoại ngữ: 32 tín chỉ

STT	HỌC PHẦN	SỐ TC
7	NGOẠI NGỮ 1 (ANH/PHÁP)	23
8	NGOẠI NGỮ 2 (ANH/PHÁP/HOA/NHẬT)	9
	TỔNG CỘNG	32

7.1.5 Toán-Tin học-Khoa học tự nhiên-Công nghệ-Môi trường: 9 tín chỉ

STT	HỌC PHẦN	SỐ TC
9	TOÁN CAO CẤP	2
10	XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ XÃ HỘI HỌC	2
11	TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG	3
12	MÔI TRƯỜNG VÀ QUI HOẠCH DU LỊCH (Environnement et Aménagement touristique)	2
	TỔNG CỘNG	9

7.1.6 Giáo dục thể chất: 90 tiết

7.1.7 Giáo dục Quốc Phòng- an ninh: 165 tiết

**7.2 Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 71 tín chỉ**

7.2.1 Kiến thức cơ sở (của khối ngành, nhóm ngành và ngành): 29 tín chỉ

STT	HỌC PHẦN	SỐ TC
13	KINH TẾ VI MÔ	3
14	QUẢN TRỊ HỌC	3

15	MARKETING CĂN BẢN	2
16	GIAO TIẾP TRONG DU LỊCH (COMMUNICATION EN TOURISME)	2
17	PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG	2
18	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	2
19	QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH	2
20	QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ	2
21	NGUYÊN LÝ NGÀNH DU LỊCH	2
22	NGOẠI NGỮ DU LỊCH (ANH/PHÁP)	9
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>29</b>

7.2.2 Kiến thức ngành: 32 tín chỉ

7.2.2.1 Môn bắt buộc: 28 tín chỉ

STT	HỌC PHẦN	SỐ TC
23	XÃ HỘI HỌC DU LỊCH (Sociologie du tourisme)	2
24	THIẾT KẾ VÀ KINH DOANH SẢN PHẨM DU LỊCH (Conception des produits touristiques)	2
25	MÔ PHỎNG QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP DU LỊCH	3
26	ĐỊA LÝ DU LỊCH	2
27	NGHIỆP VỤ HƯỚNG DẪN DU LỊCH 1	2
28	NGHIỆP VỤ HƯỚNG DẪN DU LỊCH 2	2
29	TUYẾN ĐIỂM DU LỊCH 1	2
30	TUYẾN ĐIỂM DU LỊCH 2	2
31	THỰC TẬP TOUR 1	2
32	THỰC TẬP TOUR 2	3
33	THỰC TẬP CÔNG TY	4
34	BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ 1 (Phần 1: Y TẾ, Phần 2: HOẠT NÁO)	2
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>28</b>

7.2.2.2 Môn chọn: 4 tín chỉ (chọn 2 trong 6)

STT	HỌC PHẦN	SỐ TC
-----	----------	-------

35	QUẢN TRỊ KHU VUI CHƠI GIẢI TRÍ (Gestion des Parcs de loisirs)	2
36	HỆ THỐNG VẬN CHUYỀN (Système des transports)	2
37	DU LỊCH MICE (Tourisme d'affaires)	2
38	DI SẢN DU LỊCH (Patrimoine du tourisme)	2
39	KINH TẾ DU LỊCH (Economie du tourisme)	2
40	QUẢN TRỊ ĐIỂM ĐẾN (Gestion des destinations)	2
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4</b>

7.2.3 Kiến thức bổ trợ tự do (*không bắt buộc phải có*): 0

7.2.4 Thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận (*hoặc thi tốt nghiệp*): 10 tín chỉ

STT	HỌC PHẦN	SỐ TC
41	THỰC TẬP TỐT NGHIỆP	5
42	KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP/ MÔN THAY THẾ TỐT NGHIỆP	5
	Môn thay thế	
	- Báo cáo chuyên đề 2 (3TC)	
	- 1 môn còn lại trong danh mục môn ngành chọn (2TC)	
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10</b>

### 8. Kế hoạch giảng dạy (*dự kiến*)

STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC KỲ
1	TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG	3	1
2	NGOẠI NGỮ 1 (ANH/PHÁP)	5	1
3	VĂN HÓA VIỆT NAM	2	1
4	NGHIỆP VỤ HƯỚNG DẪN DU LỊCH 1	2	1
5	TUYỂN ĐIỂM DU LỊCH 1	2	1
6	NGUYÊN LÝ NGÀNH DU LỊCH	2	1
7	ĐỊA LÝ DU LỊCH	2	1
8	BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ 1 (Phần 1: Y TẾ, Phần 2: HOẠT NÁO)	2	1
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>20</b>	
9	PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG & LUẬT DU LỊCH	3	2
10	TOÁN CAO CẤP	2	1
11	NHỮNG NLCB CỦA CN MÁC LÊNIN (Phần 1)	2	2

12	QUẢN TRỊ HỌC	3	2
13	PHƯƠNG PHÁP LUẬN & NGHIÊN CỨU KHOA HỌC	2	2
14	TUYỂN ĐIỂM DU LỊCH 2	2	2
15	NGOẠI NGỮ 1 (ANH/PHÁP)	6	2
16	THỰC TẬP TOUR 1	2	2
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>22</b>	
17	NGOẠI NGỮ 1 (ANH/PHÁP)	6	3
18	NHỮNG NLCB CỦA CN MÁC LÊNIN (Phần 2)	3	3
19	MARKETING CĂN BẢN	2	3
20	KINH TẾ VI MÔ	3	3
21	QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ	2	3
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>16</b>	
22	NGOẠI NGỮ 1 (ANH/PHÁP)	6	4
23	NGOẠI NGỮ 2 (ANH/PHÁP/HOÀ/NHẬT)	2	4
24	XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ XÃ HỘI HỌC	2	4
25	TƯ TƯỞNG HCM	2	4
26	NGHIỆP VỤ HƯỚNG DẪN DU LỊCH 2	2	4
28	THỰC TẬP TOUR 2	3	4
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>17</b>	
29	NGOẠI NGỮ DU LỊCH (ANH/PHÁP)	3	5
30	NGOẠI NGỮ 2 (ANH/PHÁP/HOÀ/NHẬT)	2	5
31	ĐƯỜNG LỐI CM CỦA ĐCS VIỆT NAM	3	5
32	GIAO TIẾP TRONG DU LỊCH (Communication en Tourisme)	2	5
33	QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH	2	5
34	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	2	4
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14</b>	
35	NGOẠI NGỮ DU LỊCH (ANH/PHÁP)	3	6
36	NGOẠI NGỮ 2 (ANH/PHÁP/HOÀ/NHẬT)	2	6
37	MÔI TRƯỜNG VÀ QUI HOẠCH DU LỊCH (Environnement et Aménagement touristique)	2	6

38	PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG	2	6
39	MÔN CHỌN 1	2	6
40	THỰC TẬP CÔNG TY	4	6
		<b>15</b>	
41	NGOẠI NGỮ DU LỊCH (ANH/PHÁP)	3	7
42	NGOẠI NGỮ 2 (ANH/PHÁP/HOA/NHẬT)	3	7
43	THIẾT KẾ VÀ KINH DOANH SẢN PHẨM DU LỊCH (Conception des produits touristiques)	2	7
44	XÃ HỘI HỌC DU LỊCH (Sociologie du tourisme)	2	7
45	MÔN CHỌN 2	2	7
		<b>12</b>	
46	MÔ PHỎNG QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP DU LỊCH	3	8
47	THỰC TẬP TỐT NGHIỆP	5	8
48	KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP/MÔN THAY THẾ	5	8
	TỔNG CỘNG	<b>13</b>	
	TỔNG TOÀN KHÓA	<b>129</b>	